

Bản án số: **75/2019/HSST**

Ngày: 11/11/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Cao Thị Hồng Minh**

2. Bà **Lò Thị Đình**

Thư ký Tòa án: Bà **Nguyễn Thị Thương Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Thanh Tú**- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **81/2019/HSST** ngày 24 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **75/2019/QĐXXST-HS** ngày 29/10/2019 đối với bị cáo:

Họ tên: **Đào Vũ D**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 06 tháng 6 năm 1994 tại: Tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKKTTT: Xóm 3, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở trước ngày bị bắt: Tổ 13, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: **Đào Xuân R** (Đã chết); Con bà: **Vũ Thị Q**- sinh năm: 1962; Vợ, Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/8/2019 cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

* Người bị hại: **Anh Hạng A S** - sinh năm 1996; Địa chỉ: **Bản P A**, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt có lý do*).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Anh Phạm Văn G** - sinh năm 1978; Địa chỉ: **Số nhà 29, tổ 12, phường M**, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo Đào Vũ D:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 11/8/2019 Đào Vũ D đi nhờ anh V từ dốc Ta Pô thuộc tổ 04, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên bằng xe máy của V đến Quán nướng 93, thuộc tổ 29, phường M, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên do anh Mai Văn Đ, sinh năm 1994; Địa chỉ: Đội 7, xã P1, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên làm chủ. Khi tới quán Bị cáo hỏi mượn máy tính để bàn của anh Đ để nghe nhạc và vào Facebook nhắn tin cho anh H (bạn của Bị cáo) nhà ở đường Sùng Phái Sinh, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên để xin ngủ nhờ. Anh H hẹn Bị cáo khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày đến khu tập thể Công ty xăng dầu phía sau khách sạn Mường Thanh thuộc tổ 22, phường H, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên để lấy chìa khóa vào nhà. Sau đó Bị cáo mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu đỏ, bên ngoài đeo một vỏ ốp màu vàng, bên trong điện thoại có hai chiếc sim của anh Hạng A S, sinh năm 1996; HKTT: Bản P A, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (là nhân viên quán nướng 93) để lấy lại mật khẩu tài khoản Facebook của Bị cáo bị mất từ trước đó. Sau đó Bị cáo trả lại điện thoại cho anh S và ngồi chơi tại quán. Khoảng 20 giờ cùng ngày Bị cáo nhờ anh Đ chở Bị cáo về khu tập thể Công ty xăng dầu để lấy chìa khóa nhà của Hoàn, do Đ bận đông khách nên anh Đ nhờ anh S lấy xe máy để chở Bị cáo về, anh S đồng ý và chở Bị cáo đến khu tập thể Công ty xăng dầu. Tại đây Bị cáo bảo anh S dừng xe và hỏi mượn điện thoại của anh S, anh S đưa máy điện thoại của mình đã mở sẵn khóa màn hình cho Bị cáo, Bị cáo dùng điện thoại của anh S gọi điện cho anh H nhưng không liên lạc được, Bị cáo trả lại điện thoại cho anh S rồi đi vào trong ngõ phía trước định đến quán điện tử gần đó để tìm anh H. Khi đi được khoảng 05m thì lúc này Bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh S. Bị cáo bảo anh S đứng ở đây đợi Bị cáo và cho Bị cáo mượn điện thoại để gọi cho anh H, anh S đồng ý và đưa tiếp điện thoại cho Bị cáo mượn, Bị cáo cầm điện thoại và giả vờ ấn gọi cho anh H để anh S tin tưởng, rồi Bị cáo đi vào trong ngõ phía trước, đi được khoảng 20m khi **lọt** khuất tầm nhìn của anh S, Bị cáo liền cất điện thoại vào túi quần bên phải của Bị cáo đang mặc mang đi tiêu thụ. Bị cáo đi bộ ra đường Võ Nguyên Giáp, tiếp tục đi ra đường Sùng Phái Sinh, qua chợ Xép rồi đi vòng qua tổ 13, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tiếp tục đi vào trường Dân tộc nội trú tỉnh rồi đi đến quán điện thoại TG thuộc tổ dân phố 12, phường M, thành phố Điện Biên Phủ. Trên đường đi Bị cáo tháo và vứt chiếc ốp màu vàng-xám của chiếc điện thoại trên đường (Bị cáo không nhớ vứt ở đoạn nào). Khoảng 22 giờ cùng ngày Bị cáo đến quán điện thoại TG, tổ dân phố 12, phường M, thành phố Điện Biên Phủ gặp anh Phạm Văn G, sinh năm 1978 là chủ quán. Bị cáo nói với anh G là Bị cáo có chiếc điện thoại muốn bán anh xem được bao nhiêu tiền? Bị cáo đưa điện thoại cho anh G xem, anh G có hỏi nguồn gốc chiếc điện thoại ở đâu? Bị cáo trả lời là của Bị cáo, anh G tin tưởng và nói bán được 1.900.000 đồng. Bị cáo nghe anh G nói vậy đã đồng ý bán chiếc điện thoại trên cho anh G giá 1.900.000 đồng, anh G cầm điện thoại tháo 02 sim bên trong điện thoại đưa cho Bị cáo và đưa số tiền 1.900.000 đồng cho Bị cáo. Nhận được tiền Bị cáo lên quán điện tử gần trường Cao đẳng sư phạm tỉnh Điện Biên để chơi điện tử. Trên đường đi Bị cáo đã vứt 02 chiếc sim có trong điện thoại của anh S ở đường. Số tiền bán chiếc điện thoại trên Bị cáo dùng vào việc chi tiêu cá nhân và chơi điện tử hết. Ngày

21/8/2019 Công an phường H mời Bị cáo về trụ sở làm việc, Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo Đào Vũ D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 58/QĐ ngày 22/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Điện Biên Phủ xác định: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu đỏ có số imel 1: 866376044418090, số imel 2: 866376044418082, đã qua sử dụng; 01 sim điện thoại di động Viettel số thuê bao 0964525998; 01 sim điện thoại mạng Mobifone; 01 ốp điện thoại màu vàng- xám, có trị giá là 5.442.000 đồng.

Trong quá trình điều tra bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá và tại phiên tòa Bị cáo cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Về vật chứng của vụ án gồm:

Chiếc điện thoại Bị cáo đã lừa đảo để chiếm đoạt của anh S, sau đó bán lại cho anh G, anh G đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan Công an.

Đối với 01 ốp điện thoại màu vàng- xám; 02 sim điện thoại, Bị cáo đã tháo ra và vứt trên đường (không nhớ vị trí vứt tại đâu) nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Điện Biên Phủ không thu giữ được.

Ngày 19/9/2019 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Điện Biên Phủ đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh Hạng A S: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu đỏ có số imel 1: 866376044418090, số imel 2: 866376044418082, đã qua sử dụng. Sau khi nhận lại tài sản anh S không yêu cầu Bị cáo bồi thường thiệt hại gì khác và không yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết nội dung dân sự giữa anh và Bị cáo D.

Bản cáo trạng số: 78/CT-VKSTPĐBP, ngày 23/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Đào Vũ D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Vũ D từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Khi bán điện thoại, Bị cáo nói dối là tài sản của mình đã bán cho anh G, đây là hợp đồng dân sự vô hiệu do bị lừa dối, Cơ quan điều tra đã thu giữ điện thoại của anh G trả cho người bị hại. Căn cứ Điều 127, 131 Bộ luật Dân sự, Bị cáo phải trả 1.900.000 đồng cho anh G. Bị cáo và anh G đã thỏa thuận với nhau trong quá trình điều tra về vấn đề này nên cần chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Của UBTVQH, buộc Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận được với nhau về tiền bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa nên Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên. Thực hiện lời nói sau cùng Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đào Vũ D khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Căn cứ hành vi của Bị cáo và kết quả định giá có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 20 giờ ngày 11/8/2019 Bị cáo nhờ anh Hạng A S, trú tại bản P A, xã P, huyện Đ chở đến tổ dân phố 22, phường H, thành phố Điện Biên Phủ. Khi đến ngã 5 đường nội thị thuộc tổ 22, Bị cáo bảo anh S dừng xe lại và mượn điện thoại của anh S để gọi cho bạn. Do không liên lạc được, Bị cáo trả lại điện thoại cho anh S, bảo anh S đứng chờ, Bị cáo đi vào ngõ để tìm bạn. Khi đi được khoảng 5 mét thì Bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, Bị cáo quay lại hỏi mượn điện thoại của anh S để gọi cho bạn, anh S tin tưởng đưa điện thoại OPPO F9 có vỏ ốp màu vàng xám kèm 02 sim trị giá 5.442.000 đồng cho Bị cáo mượn. Bị cáo vừa đi vừa giả vờ gọi cho bạn để anh S không nghi ngờ, đi cách khoảng 20 mét, khi khuất tầm nhìn của anh S thì Bị cáo bỏ điện thoại vào túi quần và chạy vòng ra đường Võ Nguyên Giáp. Sau đó mang điện thoại đến quán mua bán điện thoại cũ của anh Phạm Văn G ở tổ 12, phường M, nói dối là điện thoại của mình, bán cho anh G được 1.900.000 đồng. Vỏ ốp và sim điện thoại Bị cáo đã vứt trên đường nhưng không nhớ vị trí nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Số tiền bán điện thoại Bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Lời khai của bị cáo Đào Vũ D, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với

hành vi phạm tội của bị cáo, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của Bị cáo đã cấu thành tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố Bị cáo về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Về tính chất của vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, Bị cáo đã đưa thông tin gian dối làm cho anh S tin tưởng tự nguyện giao tài sản cho Bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 5.442.000 đồng. Hành vi của Bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên và thể hiện sự coi thường pháp luật của Bị cáo. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, ham chơi, đua đòi, không có công ăn việc làm, không tu chí làm ăn, vẫn muốn có tiền chi tiêu cá nhân mà thực hiện phạm tội. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của Bị cáo:

- *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo Đào Vũ D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, Bị cáo phạm tội lần đầu, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- *Về nhân thân:* Bị cáo Đào Vũ D sinh ra và lớn lên tại tỉnh Thái Bình được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12. Năm 2012, sau khi học xong Bị cáo đi lao động làm thuê trên thành phố Hà Nội để giúp đỡ gia đình và nuôi sống bản thân. Tháng 12/2016 đến tháng 02/2018 Bị cáo thực hiện nghĩa vụ quân sự tại đơn vị tiểu đoàn 2, Trung đoàn 2, Sư đoàn 395 Quân khu 3 đóng quân tại phường Sao đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Sau khi xuất ngũ Bị cáo lên thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên sinh sống từ tháng 4/2019.

Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đối với Bị cáo là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

Ngoài hình phạt chính Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, song xét Bị cáo không có việc làm, không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

Bị hại là anh Hạng A S đã nhận lại toàn bộ tài sản, sau khi nhận lại tài sản, anh S không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn G yêu cầu Bị cáo phải bồi thường số tiền là 1.900.000 đồng từ việc anh G đã mua chiếc điện thoại trên của Bị cáo;

Tại phiên tòa người bị hại là anh Hạng A S xin xét xử vắng mặt, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Phạm Văn G xin xét xử vắng mặt, về trách nhiệm dân sự anh G yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng) là số tiền anh G đã dùng để mua chiếc điện thoại của bị cáo D.

Xét đề nghị của anh S, anh G là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh Phạm Văn G đã mua lại của bị cáo D chiếc điện thoại mà bị cáo D đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Hạng A S với số tiền là 5.442.000 đồng, do anh G không biết đó là tài sản mà Bị cáo đã lừa đảo. Nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý đối với anh G.

[5]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

[5.1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều

tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[5.2]. Về sự vắng mặt của người bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Xét thấy anh S, anh G đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra anh S, anh G đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng anh S, anh G theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Tại Cơ quan điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn G yêu cầu Bị cáo phải bồi thường số tiền 1.900.000 đồng, Bị cáo đồng ý bồi thường và không có ý kiến gì.

Căn cứ vào điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

1. Xử phạt bị cáo Đào Vũ D: 09 (Chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 22/8/2019).

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Bị cáo phải trả cho anh Phạm Văn G số tiền 1.900.000 đồng (*Một triệu chín trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án, thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về vật chứng: Chấp nhận biên bản về việc trả lại tài sản ngày 19/9/2019 của Cơ quan điều tra công an thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên cho người bị hại.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP Điện Biên Phủ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- CA TP ĐB Phủ;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐB Phủ;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Tố Loan

